

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI, VẬT TƯ ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
LĨNH VỰC THỦY SẢN
(Kèm theo Quyết định số 143 /2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. Nuôi trồng thủy sản

1. Nuôi tôm nước lợ

1.1. Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04-05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	100 - 120	Quy cỡ giống: ≥ PL ₁₂ ; Tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	1.3	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 35%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

1.2. Nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04-05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		

7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				
---	---	--	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m ²	1.000-1.500	Quy cỡ giống P12, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 2	con/m ²	100-300		
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.1	Hàm lượng protein 33-38%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

1.3. Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ 4.0

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04-05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

6	- Thiết bị 4.0 - Dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m ²	1.000-1.500	Quy cỡ giống: ≥ PL ₁₂ ; Tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
	Giai đoạn 2	con/m ²	150-200	600-1.200con/kg	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.2	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein 39-40%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

1.4. Nuôi tôm sú thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	4-5		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	25	Quy cỡ giống: $\geq$ PL ₁₅ ; Tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein 35-42%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

1.5. Nuôi tôm sú bán thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	4-5		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10-15	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Hàm lượng protein 35-42%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

1.6. Nuôi tôm sú 2 giai đoạn trong rừng ngập mặn

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy thu tôm...	Cái	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m2	2.000-6.000	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Giai đoạn 2	con/m ²	≤ 15		
2	Thức ăn			Hàm lượng protein 35-42%.	
	Giai đoạn 1	FCR	≤ 1.5		
	Giai đoạn 2	FCR	≤ 0.5		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

1.7. Nuôi tôm sú quảng canh cải tiến**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy...	Bộ			
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	≤ 8	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 0.5	Hàm lượng protein 35-42%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

1.8. Nuôi tôm sú kết hợp cá, cua

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		

3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy...	Bộ			
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10-15	Quy cỡ giống: $\geq$ PL ₁₅ ; Tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 35\%$;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

2. Nuôi cua

2.1. Nuôi cua biển trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ:	Bộ			

	Thuyền, chài, xô, chài, giỏ lưới, lồng bẫy...				
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	0,5-1	Quy cỡ giống 1,2cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 5	Cá tạp/tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

2.2. Nuôi cua biển 2 giai đoạn trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chài, giỏ lưới, lồng bẫy...	Bộ		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				
---	--	--	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Quy cỡ giống 0,5-1cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 1	Con/m ²	30		
	Giai đoạn 2		1		
2	Thức ăn			- Hàm lượng Protein ≥ 35%; - Cá tạp: đảm bảo chất lượng.	
	- Giai đoạn 1				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7		
	- Giai đoạn 2				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7		
	Cá tạp	FCR	≤ 4		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

3. Nuôi ốc hương

3.1. Nuôi ốc hương trong ao/hồ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-06		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thuê máy nạo vét, cải tạo ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	100	Quy cỡ giống ≥ 0,4cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 5.0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

3.2. Nuôi ốc hương trong lồng/bể

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04-06		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, dụng cụ: xô, chậu, giỏ lưới, vợt...	Bộ	01- 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	300	Quy cỡ giống ≥ 0,4cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 7.0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

4. Nuôi vẹm

4.1. Nuôi vẹm theo hình thức giàn cọc

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Lưới cước	m ²	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	400	100 con/dây; 4 cọc/m ² 1 dây/cọc/cỡ giống $\geq 0,4$ cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

4.2. Nuôi vẹm theo hình thức giàn bè**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm giàn	m ²	2000- 5.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	720	300 con/dây; 120 dây/50m ² /, cỡ giống $\geq 0,4$ cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

5. Nuôi hào**5.1. Nuôi hào theo hình thức giàn cọc****A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Lưới cước	m ²	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/cọc	10	Cỡ giống ≥ 3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

5.2. Nuôi hàu theo hình thức giàn bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm giàn	m ²	2000-5.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ:	Bộ	01 - 02		

	Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...			
--	------------------------------------	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/giá băm	25	Cỡ giống $\geq 2\text{cm}$ /con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

5.3. Nuôi hàu trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6-12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm lồng	Cái	3.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/lồng	120	Cỡ giống $\geq 3\text{ cm}$ /con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

6. Nuôi hàu thái bình dương hình thức giàn treo

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm lồng	Cái	3.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/giá thể	20	Cỡ giống 0,5 -1,5 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

7. Nuôi sò huyết trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		

	giò lưới, vợt, lồng bẫy...				
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê máy nạo vét ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	100	Cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

8. Nuôi sá sùng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	60-70	Cỡ giống $\geq 1,5$ cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ	

				nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.3	Hỗn hợp tự chế	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

9. Nuôi hải sâm trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Cái	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...	Bộ	01- 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	3-5	Quy cỡ giống: 3-5cm/con; hải sâm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR		Thức ăn mùn bã hữu cơ	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

10. Nuôi cá song (mú) trong ao/lồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	03-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	03-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Hệ thống lồng; Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu, lồng lưới...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1	Quy cỡ giống: Nuôi lồng $\geq 8\text{cm/con}$; nuôi ao : $\geq 10\text{cm/con}$; Cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng	
		Con/m ³	15-25		

				nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	TACN hàm lượng protein >42%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
3	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

11. Nuôi cá mú chuột trong lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc, Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	25	Cá giống cỡ 8-10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	

2	Thức ăn	FCR	≤ 2.2	TACN hàm lượng protein $\geq 42\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

12. Nuôi cá hồng mỹ trong ao/lồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, hệ thống lồng nuôi, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1,5	Quy cỡ giống: $\geq 10\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
		Con/m ³	25		

2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	TACN hàm lượng protein $\geq 35\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

13. Nuôi cá hồng đỏ trong ao/lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng nuôi, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1,5	Cá giống cỡ: nuôi ao $\geq 8\text{cm/con}$; nuôi lồng $\geq 10\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng	
		Con/m ³	15		

				nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	TACN hàm lượng protein $\geq 35\%$;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

14. Nuôi cá chim vây vàng trong ao/lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng nuôi, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	3	Quy cỡ giống: 6-8 cm/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về	
		Con/m ³	25-35		

				chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR(ao)	≤ 1.5	TACN hàm lượng protein $\geq 35\%$.	
		FCR(lồng)	≤ 2.3	TACN hàm lượng protein 30- 35%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

15. Nuôi tôm hùm trong lồng

15.1. Nuôi tôm hùm bông trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ/lồng	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm, xịt áp lực	Bộ/mô hình	01		
3	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng, dụng cụ: Thuyền, vợt, xô, chậu...	Bộ	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ²	8-10	Quy cỡ giống: 100-120g/con, tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 31.0	Thức ăn tươi sống;
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.		

15.2. Nuôi tôm hùm xanh trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ/lồng	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm, xít áp lực	Bộ/mô hình	01		
3	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng, dụng cụ: Thuyền, vợt, xô, chậu...	Bộ	01		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	15-16	Quy cỡ giống: 50-60g/con, tôm khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo	

				yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 31.0	Thức ăn tươi sống;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

16. Nuôi cá bớp (giò) trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc, Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	3	Quy cỡ giống: $\geq 18\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn				

	Giai đoạn 1: TACN	FCR	≤ 2.5	TACN hàm lượng protein 40-45%.	
	Giai đoạn 2: Cá tạp	FCR	≤ 8.0	Thức ăn tươi sống.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

17. Nuôi cá vược(chế) trong ao/ lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	cán bộ/ 100- 500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, hệ thống lồng nuôi, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1,5	Cá giống cỡ ≥ 12 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ	
		Con/m ³	25		

				ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	TACN hàm lượng protein $\geq 35\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

18. Trồng rong sụn bằng giàn căng trên đáy

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	3	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	02-03		
2	Hệ thống khung, giàn căng trên đáy	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Tấn/ha	$\leq 2,5$	Rong giống cỡ 30 cm/bụi; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
---	---	--	--

19. Nuôi cá bè vầu trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	02-03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc, Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	25	Quy cỡ giống: ≥ 8 cm/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 35%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình	
---	--	--	--

20. Nuôi cá tráp vàng trong ao/lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng bè	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ/ 100-500 m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Hệ thống lồng; thiết bị Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét cải tạo ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1,5	Quy cỡ giống: nuôi ao ≥8cm/con; nuôi lồng ≥10cm/con; cá khỏe	
		Con/m ³	15		

				mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	TACN hàm lượng protein $\geq 35\%$;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

21. Nuôi cá bông cát trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ²	60-80	Quy cỡ giống: 2-3 cm/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	1.8-2.0	Thức ăn tươi sống.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

22. Nuôi cua đẹp trong bể

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị, hệ thống bể nuôi, dụng cụ: xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	9	Quy cỡ giống: 2-3 cm/con; cua khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 6	- Thức ăn phối trộn(50% nguồn gốc thực vật và 50% nguồn gốc động vật)	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
---	---------------------------------------	--	--

23. Nuôi nhum sọ trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lồng nuôi (m ³ /lồng)	Cái	1.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	80-100	Quy cỡ giống: 3-4 cm/con; nhum khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	10.0-15.0	Thức ăn các loại rong.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

24. Nuôi cá rô phi, điêu hồng

24.1. Nuôi cá rô phi, điêu hồng thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	--------------------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	5-7	Quy cỡ giống: ≥7g/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤1.3	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 28%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

24.2. Nuôi cá rô phi, điều hồng bán thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	--------------------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2,5	Quy cỡ giống: ≥ 5 g/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 24%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

24.3. Nuôi cá rô phi, điều hồng trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc, Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt ...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	100	Quy cỡ giống: ≥ 6 cm/con cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 24%	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

25. Nuôi ghép cá rô phi/điều hồng là chính trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao ...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Rô phi/ Diêu hồng $\geq$ 50%	Con/m ²	3	Quy cỡ giống: Cá rô phi/diêu hồng, cá chép, cá chim trắng $\geq$ 4 cm/con; Cá trắm cỏ, cá mè, cá trôi, trắm đen $\geq$ 12 cm/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq$ 24%	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.	
---	--	---	--

26. Nuôi cá trắm cỏ

26.1. Nuôi cá trắm cỏ trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Hệ thống lồng, Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao ...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	20-30	-Cỡ giống: 300-500 g/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn xanh	FCR	≤ 45	- Đảm bảo chất lượng; Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.	

26.2. Nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------	---------

				thuật	
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.2	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 24\%$	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

27. Nuôi ghép cá chép là chính trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01-02		

7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
---	--	--	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 24\%$	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

28. Nuôi cá lóc bông trong ao/lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng, dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10	Quy cỡ giống: ≥ 8cm/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
		Con/m ³	130		
2	Thức ăn	FCR	≤4.0	Thức ăn tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

29. Nuôi cá trê trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ Cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		

3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02	
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03	
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài,	Bộ	01-02	
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	20	- Cỡ giống: 3-5 cm/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 18%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

30. Nuôi cá chình trong ao, bể/lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.				
	Trong ao, bể	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²
	Trong lồng	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

C. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt ...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng.	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10	Quy cỡ giống: $\geq 100\text{g/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
		Con/m ³	20		
2	Thức ăn	FCR	≤ 10.0	Thức ăn tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

31. Nuôi cá thát lát trong ao/lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				

	Trong ao	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100- 500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Hệ thống lồng; Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, Gia cố bờ ao ...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	9	Quy cỡ giống: nuôi ao ≥ 2 cm/con; nuôi lồng ≥ 8cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
		Con/m ³	50		
2	Thức ăn	FCR(ao)	≤ 3.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 20%.	
		FCR(lồng)	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	

32. Nuôi cá bông tượng trong ao/bể

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô,	Bộ	01-02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ² (ao)	2	Quy cỡ giống: $\geq 10\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
		Con/m ² (bể)	30		
2	Thức ăn	FCR	≤ 9.0	Thức ăn tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.	
---	--	---	--

33. Nuôi cá trắm đen trong ao/lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT				
	Trong ao	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha
	Trong lồng	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Hệ thống lồng, Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ²	1	Cá giống cỡ: nuôi ao 0,2-0,5kg/con; nuôi lồng 0,8-1,0 kg/con; cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
		Con/m ³	10-15	
2	Thức ăn	FCR(ao)	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%.
		FCR(lồng)	≤ 3.0	Hàm lượng protein 38-45% (theo giai đoạn phát triển của cá);
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.		

34. Nuôi cá chim trắng trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn Kỹ thuật	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

D. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		

7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
---	---	--	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2-4	Quy cỡ giống: ≥4cm/con; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 30%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

35. Nuôi cá lăng nha trong lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, ợt...	Bộ	01-02		
5	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng.				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ³	20	Quy cỡ giống: $\geq 15\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 35\%$	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

36. Nuôi ếch trong bể/ lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	80	Quy cỡ giống $\geq 20\text{gr/con}$; Ếch giống	

				khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình			

37. Nuôi lươn trong bể

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ Cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể Thiết bị, máy móc.				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	60	Quy cỡ giống: $\geq 15\text{cm/con}$; lươn khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ	

				ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 4.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 20\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, vôi...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

38. Nuôi cá nheo Mỹ trong lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...		01-02		
5	Thiết bị, máy móc, Hệ thống lồng.				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	10	Quy cỡ giống : $\geq 10\text{cm/con}$; cá khỏe mạnh; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ	

				ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 30\%$	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

39. Nuôi cá lăng chấm

39.1. Nuôi cá lăng chấm trong lồng bè

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ	Tháng/ Cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng.				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 200-300 g/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có	

				giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

39.2. Nuôi cá lăng chấm trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

T T	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		

7	Thiết bị, máy móc ...				
---	-----------------------	--	--	--	--

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ²	0,3-0,5	- Cỡ giống: 200-300 gr/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn:				
	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.5	- Đảm bảo chất lượng;	
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7	- Hàm lượng Protein 28-35%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, ...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...);	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

40. Nuôi cá chiên trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT.	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xít nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		

3	Máy phát điện	Mô hình	01-02	
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02	
5	Thiết bị, máy móc, hệ thống lồng,			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	18-20	- Cỡ giống: ≥ 100 g/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4.0	- Đảm bảo chất lượng;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học,	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

41. Nuôi cá tầm

41.1. Nuôi cá tầm trong lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ³

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: cá Tầm	Con/m ³ hoặc con/m ²	$\geq 5 \text{ con/m}^3$ tương đương $\geq 15 \text{ con/m}^2$	- Cỡ giống: $\geq 50\text{g/con}$; - Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein $\geq 35\%$;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học,	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

41.2. Nuôi cá tầm trong bể/ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc.	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bể/ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: cá Tầm	Con/m ²	≥ 8	- Cỡ giống: ≥ 50g/con; - Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein ≥ 35%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học,	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

42. Nuôi cá hồi trong bể/ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thiết bị, máy móc, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bể/ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

				thuật	
1	Giống: cá Hồi	Con/m ²	20-30	- Cỡ giống: ≥ 10g/con; - Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.3	- Hàm lượng Protein ≥ 35%.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.....	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

43. Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, máy móc, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới		02-04		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét ao ...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	15-20	Quy cỡ giống 1-1,3cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.5	Hàm lượng protein 25-35%	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình.			

44. Nuôi ba ba trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chài, vợt...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu sản phẩm, thuê máy nạo vét,				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ²	2	- Cỡ giống ≥ 100 gr/con; ba ba khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 10	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

45. Nuôi cá rô đồng trong ao/ hồ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ Cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	----------	-----	----------	---------------------------------	---------

1	Giống	Con/m ²	50	- Cỡ giống ≥ 5,1cm/con; Con khỏe mạnh, Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%;
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

46. Nuôi cá chạch lấu trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: thuê lưới thu hoạch chạch, thuê máy cải tạo				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	60-80	- Cỡ giống $\geq 8\text{cm/con}$; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	

2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤2.5	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

47. Nuôi ốc nhồi (bươu đen) trong ao

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	70	- Cỡ giống ≥0,5cm/con; Con giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	3.1-3.3	Thức ăn gồm: Thức ăn xanh chiếm 2/3 và thức ăn tinh chiếm 1/3	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

48. Nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01 - 02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: thuê lưới thu hoạch chạch, thuê máy cải tạo ruộng, gia cố ruộng...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép chạch đồng 80-90% còn lại là cua đồng	Con/m ²	20-30	Quy cỡ giống cua và chạch: $\geq 4-5\text{gr/con}$; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.3	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 30\%$.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường, ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

49. Nuôi cá tra/basa trong ao/hồ

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/ha

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu ...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: cá Tra/Basa	Con/m ²	≤ 40	- Cỡ giống: ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.7	- Hàm lượng Protein ≥ 22%;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường, ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

50. Nuôi cá niên trong ao, hồ/lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT.	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ/100-500m ²

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: cá niên	Con/m ²	10-20	- Cỡ giống: 5-8 cm/con; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
		Con/m ³	60 – 100		
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	1,8 – 2,2	- Hàm lượng Protein 25–35%. Thức ăn bổ sung: cá tạp xay; cám gạo, bột ngô, rau xanh.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

II. Khai thác thủy sản

1. Câu vàng cá ngừ đại dương

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng / cán bộ	6 - 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (ghim, deo kéo, thiết bị kéo căng, định hình theo câu, vàng câu...)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Sử dụng dịch vụ: (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp đặt mô hình...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dây chính	m	1.000x40	PA mono, ϕ 2,8 ÷ 3	
2	Dây liên kết	m	1.000x2	Dây tết, ϕ 8	
3	Thео câu	m	1.000x25	Pa mono, ϕ 1,2 ÷ 2,2	
4	Dây phao ganh	m	250x20	PA tết, ϕ 3	
5	Dây phao cò	m	20	PA tết, ϕ 10	
6	Lưỡi câu	Chiếc	1.000	Inox ϕ 4, 50x33x30	
7	Khóa xoay dây chính	Chiếc	2.000	Inox, M16,5g	
8	Khóa xoay theo câu	Chiếc	1.000	Inox, M ₀ 12/15g	
9	Kẹp liên kết	Chiếc	1.000	Inox	
10	Phao ganh	Quả	250	PVC, PL360, ϕ 110	
11	Phao cò	Quả	100	PVC, ϕ 300	
12	Chì kẹp	Viên	1.000	Pb, 13g/viên	
13	Máy tời thu câu	Bộ	01	Đồng bộ thủy lực 7,5 KVA	
14	Trang thiết bị sơ chế	Bộ	01	Đồng bộ	

2. Khai thác ghe bằng lòng bẫy

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6 - 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo...)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thép làm khung lồng	kg	8m (2,5-3kg)	Thép hoặc Inox ϕ 6-8mm	
2	Lưới bao	kg	0,3-0,4	PE: 380D/12; 2a = 30-35mm hoặc bằng sợi Inox	
3	Khóa móc mỗi	Chiếc	02		
4	Dây lắp ráp lồng	kg	0,5	Nilon d=0,4mm	
5	Hộp đựng mỗi	Chiếc	01	Hộp nhựa	
6	Khóa xoay	Chiếc	01	M10	
7	Dây chủ	m	20-25	PP ϕ 12mm-16mm	
8	Dây phao ganh	m	50	PP ϕ 8mm	
9	Máy thu dây chính	Chiếc	01	Sức kéo >1.000kgf	

3. Ứng dụng các trang thiết bị hàng hải trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	--------------------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (kìm, khoan, đồng hồ đo điện áp, bộ thiết bị lắp ráp cơ khí...)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Sử dụng dịch vụ: (vận chuyển nâng, hạ vật tư, thiết bị lắp đặt)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy thông tin tầm xa	Bộ	01	- Công suất phát sóng: $\geq 100\text{w}$ - Tầm hoạt động: >200 hải lý - Dải tần thu: 0,3 - 30 MHz - Dải tần phát: 1,6 - 30 MHz - Bộ nhớ: 200 kênh - Có chức năng điện đàm qua vệ tinh.	
2	Máy định vị vệ tinh	Bộ	01	Hệ thống định vị GPS, tích hợp chức năng nhận dạng (AIS)	
3	Radar hàng hải	Bộ	01	- Tầm xa: 48 - 72 hải lý - Màn hình: LCD màu: 10,4 inch - Ngôn ngữ: Tiếng việt - Búp phát ngang: $1,2-1,8^{\circ}$ - Búp phát đứng: 22° - Công suất phát: 4-12kW - Chức năng tự động theo dõi tránh va ATA. - Chức năng hiển thị mục tiêu AIS - Chức năng chia đôi màn hình cho quan sát thang xa và quan sát thang gần cùng lúc - Chức năng kết nối hiển thị hình ảnh CCD camera; Cảm biến la bàn	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	Máy dò ngang (sonar) góc phát 450	Bộ		- Màn hình tinh thể lỏng hoặc CRT -15 inch - Thang đo: 8 nấc từ 20m-2000m - Tần số phát: 160kHz - Độ mở chùm tia: 45⁰ - Công suất phát: 0,8 - 1,5 KW - Góc mở ở các chức năng quét ngang 6⁰ - 12⁰ - 18⁰ hoặc 45⁰. - Góc nghiêng: +5⁰ - 90⁰ - Thiết bị đi kèm: Màn hình màu, bộ điều khiển, bộ thu phát, bộ nâng hạ đầu dò, bộ ổn định đầu dò, cảm biến đầu dò, cảm biến la bàn, cáp và đầu nối, loa ngoài, Ống chứa đầu dò, nguồn cấp điện.	

4. Tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (Máy hàn, mài, bộ lắp ráp cơ khí...)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Sử dụng dịch vụ: (vận chuyển, nâng hạ thiết bị lắp đặt mô hình...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Động cơ lai	Cái	01	Công suất: 20-30cv	
2	Bộ ly hợp	Bộ	01	- Loại ly hợp: ly hợp bánh răng + Công suất: 30hp + Tốc độ: 100-1.450 vòng/phút	
3	Bơm dầu	Cái	01	- Loại bơm: Bơm bánh răng hoặc bơm piston hoặc bơm cách gạt + Áp suất làm việc: $p=100at$ + Lưu lượng TB: $Q_b=110$ lít/phút + Tốc độ bơm: $n_b=1.250$ vòng/ phút. + Công suất: 17,4kw	
4	Két dầu	Cái	01	- Vật liệu: Inox - Lượng dầu chứa trong thùng: 120-150 lít	
5	Sinh hàn	cái	01	Làm mát bằng nước: 350-600 lít	
6	Hệ thống van điều chỉnh	Bộ	01	Đồng bộ	
7	Đường dầu đi	Bộ	01	- Đường kính: $d=20-22mm$ - Kết cấu: 2 lớp thép tăng cường - Áp suất: 80-415bar	
8	Đường dầu về	Bộ	01	- Đường kính: $d=20-22mm$ - Kết cấu: 2 lớp thép tăng cường - Áp suất: 80-415bar	
9	Đường dầu hồi	Bộ	01	- Đường kính: $d=16-18mm$ - Kết cấu: 2 lớp thép tăng cường - Áp suất: 80-415bar	
10	Con lăn dẫn hướng chính	Bộ	01	- Vật liệu: Inox - Kích thước: + Đường kính ngoài: 220-235mm + Đường kính giữa: 140-155 + Đường kính trong: 90-95	
11	Con lăn dẫn hướng phụ	Bộ	01	- Vật liệu: Inox, cao su - Kích thước: + Đường kính ngoài: 90-100mm + Đường kính giữa: 60-70mm + Đường kính trong: 55-60	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
12	Tang tời	Bộ	01	- Vật liệu: Inox, cao su - Kích thước: Theo thực tế	
13	Con lăn kẹp	Bộ	01	- Vật liệu: Inox, cao su - Kích thước: Theo thực tế	
14	Mâm tời	Bộ	01	- Vật liệu: Inox, cao su - Kích thước: Theo thực tế	
15	Trục tời xoay 360°	Bộ	01	- Vật liệu: Inox, cao su - Kích thước: Theo thực tế	
16	Động cơ thủy lực	Cái	01	- Loại động cơ: Động cơ thủy lực hình sao - Áp suất làm việc: p=100at - Lưu lượng TB: Qđc=105,504 lít/phút	

5. Sử dụng đèn Led chuyên dùng cho tàu lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	6 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (kìm, khoan, đồng hồ đo điện)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
2	Sử dụng dịch vụ: (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống đèn LED	Cái	25 - 50		

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Thông số kỹ thuật đèn LED	Chiếc	01	- Điện áp: AC 100- 277 V - Công suất: 200- 300W - Quang thông: (26000-39000) lm - Hiệu suất: 130 lm/W - Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K - Ánh sáng: Vàng/trắng - Cấp bảo vệ (IP): 66 - Tuổi thọ: 20.000 h - Trọng lượng: (4,0 - 5,2) kg	
2	Khung lắp đèn	Bộ	01	- Vật liệu gỗ: kích thước 8x12cm - Vật liệu thép: Ống thép $\varnothing$ 42mm	
3	Cần thu/đẩy	Bộ	01	Vật liệu: Ống thép $\varnothing$ 60mm	
4	Con lăn	Cái	06	Vật liệu Inox	
5	Bu lông	Cái/đèn	02	- Vật liệu Inox - Đường kính $\varnothing$ 6mm	
6	Cầu dao tổng	Cái	02	- Quy cách: 3 pha - Dòng điện định mức: 200A - Điện áp định mức: 200/400VAC - Tự động bảo vệ quá tải, ngắn mạch - Dòng cắt ngắn mạch 50kA/25kA	
7	Cầu dao tự động	Cái/đèn	01	- Quy cách: 2 cực - Dòng điện định mức: 10A - Điện áp định mức: 200/400VAC	
8	Dây dẫn điện	Mét/đèn	15	- Lõi đồng: 2 x 2.5 mm - Vỏ bọc bằng nhựa PVC	
9	Đồng hồ đo điện từng pha	Cái	3	- Công suất (max 22,000 W) - Cường độ dòng điện (max 100A) - Hiệu điện thế (110-250V) - Hệ số công suất; Tần số - Độ chính xác điện áp: $\pm 1\%$ - Độ chính xác công suất : $\pm 2\%$	

6. Ứng dụng đèn Led cho nghề lưới chụp khai thác vùng khơi

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
----	--------------------	-----	----------	------------------------------	---------

1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (kìm, khoan, đồng hồ đo điện áp, bộ thiết bị lắp ráp cơ khí ...)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
2	Sử dụng dịch vụ: (Vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình ...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống đèn LED	Cái	150 - 250		
	Thông số kỹ thuật đèn LED	Chiếc	01	- Điện áp: AC 100- 277 V - Công suất: 200- 300W - Quang thông: (26000-39000) lm - Hiệu suất: 130 lm/W - Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K - Ánh sáng: Vàng/trắng - Cấp bảo vệ (IP): 66 - Tuổi thọ: 20.000 h - Trọng lượng: (4,0 - 5,2) kg	
2	Khung lắp đèn	Bộ	01	- Khoảng cách 0,38 m- 0,45m/đèn - Vật liệu Inox hộp 3 x 6	
3	Bu lông	Cái/đèn	02	- Vật liệu: Inox, - Đường kính Φ6mm	
4	Cầu dao tự động	Đèn/cái	03	- Quy cách: 2 cực - Dòng điện định mức: 10 A - Điện áp định mức: 200/400 VAC	

5	Bu lông	Cái/đèn	02	- Vật liệu Inox - Đường kính $\varnothing$ 6mm
6	Cầu dao tổng	Cái	02	- Quy cách: 3 pha - Dòng điện định mức: 200A - Điện áp định mức: 200/400VAC - Tự động bảo vệ quá tải, ngắt mạch - Dòng cắt ngắn mạch 50kA
8	Dây dẫn điện	Mét/đèn	15	- Lõi đồng: 2 x 2.5 mm - Vỏ bọc bằng nhựa PVC

7. Bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ bằng đá tuyết

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/ ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình	Bộ	01	Theo thông số công bố của nhà sản xuất	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình ...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Thiết bị vật tư chính	Chiếc	01		
-	Máy nén dùng cho hàng hải	Chiếc	01	6,5kw môi chất R404A, Te: 20°C, Tc: 40°C, Q: 20,8kw L x W x H: 1.130 x 1.060 x 1.035(mm)	
-	Bình tách dầu	Bộ	01	Loại 7/8"	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Relay áp cao + áp thấp			0.5-2bar; 5-30bar	
-	Relay áp suất dầu	Bộ	01	Install with compressor from GEA	
-	Bình tản nhiệt sử dụng nước biển (Condenser)	Cái	02	Length908*Width325*Height530 (CM)	
-	Van từ 220VAC	Chiếc	01	HV15M7T(5/8)	
-	Bình lọc khí đường hồi	Cái	01	DCL-165(16mm)	
-	Van tiết lưu	Bộ	01	8.6BAR/125PSI	
-	Dry filter	Cái	01	BG-4813 (1-5/8)	
-	Kính thăm Gas	Cái	01	SY/H-05 (5/8)	
-	Van chặn 2 chiều 650 Psi	Cái	01	GBC16V,650Psi	
-	Đồng hồ đo áp cao	Chiếc	01	(1-35 kgf/CM ²) (1-18kgf/CM ²)	
-	Bơm làm mát công suất 0.9 KW chạy môi trường nước biển	Bộ	01	220 V - 0.9 kW	
-	Động cơ gạt đá	Bộ	01	Diameter80 ×length 600 (mm)	
-	Hộp giảm tốc	Chiếc	02	50/80-750-0.55KW	
-	Bơm đá lỏng tuần hoàn	Chiếc	01	0.12 KW	
-	Buồng đá	Chiếc	01		
+	Buồng làm đá lỏng năng suất 5 tấn/ 24h	Bộ	01	Inox 316. φ350×1100(mm)	
+	Buồng làm đá vảy năng suất 3 tấn/24h	Bộ	01	Inox 316. φ660×1160(mm)	
-	Tủ điều khiển trung tâm				
+	Tủ điều khiển trung tâm sử dụng PLC, khởi động mềm.	Bộ	01	Tủ điều khiển PLC	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
+	Bộ phụ kiện bao gồm: ống dẫn môi chất, cáp điện, hệ thống bơm đá lỏng	Bộ	01		

8. Hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu CPF

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	4 – 8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị chế tạo, lắp đặt mô hình (máy nén khí, bơm PU, bộ thiết bị cơ khí...)	Bộ	01	Theo thông số công bố của nhà sản xuất	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình...)				

C. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Vật liệu Polyurethane foam	kg	1.200 - 1.500	Chiều dày polyurethane 15cm, tỷ trọng Polyurethane từ 65 kg/m ³	
2	Xương composite khung	m	≤ 400	Xương composite hình hộp chữ nhật kích thước 50x50 dày 5mm.	
3	Tấm composite	m ²	150 - 160	Tấm composite có chiều dày ≥ 5mm bề mặt phủ Gelcoat dày 1mm.	

4	Đinh vít, chấu thép liên kết	kg	20	Đinh vít Inox 304 Inox 304, dài 4cm; Chấu thép 150x50x5 (mm).	
---	------------------------------	----	----	---	--

III. Chế biến thủy sản

1. Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chế biến nước mắm

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Chủ tàu/ ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ cán bộ	8 - 12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống thiết bị thủy phân, tăng đậm, giảm mặn.	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống chiết rót tự động	Bộ	01		
3	Thiết bị xé nguyên liệu	Bộ	01		
4	Thiết bị lọc trong mắm	Bộ	01		
5	Vật tư, thiết bị khác.....				

C. Định mức trang bị vật tư.

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Đo độ mặn cầm tay	Cái	02	Theo công bố của nhà sản xuất	
2	Chế phẩm vi sinh vật sinh hương (0.015%)	Kg	225	Theo tiêu chuẩn công bố	
3	Nguyên liệu cá cơm, cá nục, cá nhâm,...	Tấn	15	(03 bể x 5 tấn)	
4	Muối	Tấn	05	27-30% so với nguyên liệu	
5	Enzyme protease	Kg	150	(0,01% so với nguyên liệu)	
6	Bao bì, tem nhãn	Bộ	20.000		

2. Vật tư thiết yếu để chế biến nước mắm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thùng gỗ	lít	600	- Áp dụng theo quy trình chế biến nước mắm của trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi và tham vấn ý kiến của các hộ dân chuyên chế biến nước mắm. - Thùng làm bằng gỗ bên trong trắc dầu rái hoặc dầu héc, hay thùng đúc bằng bê tông bên trong áp gạch chống thấm. - Hỗn hợp cá và muối theo tỷ lệ 3:1 gọi là chượp. - Thời gian ủ: 12 tháng. - Vật tư sản xuất nước mắm phải đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5107:2018; QCVN 02-16:2012/BNNPTNT.	
2	Chượp (gồm: cá + muối)	kg	600		

IV. Nghề muối

1. Mô hình sản xuất muối sạch từ nước mặn ngầm ven biển

A. Định mức lao động

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông			Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Công xây dựng (làm nền, trải bạt...)				
2.1	Theo phương pháp từ nước mặn ngầm.	công	500	Lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất	
2.2	Theo phương pháp từ nước biển.	công	500		
3	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước 2 pha	cái	10	Công suất 1.000W-220V	

C. Định mức vật tư

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Nội dung định mức	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư, Thiết bị			
1	Bạt nhựa HDPE (0,5 - 1,2 mm)	m ²	2.200	
2	Máy bơm nước 1.000 w	cái	10	
3	Trang cào	cái	10	
4	Bàn giăng	cặp	10	
5	Rổ gánh	cái	10	
6	Trang dọn	cái	10	
II	Công xây dựng			
1	Công làm nền	công	400	
2	Công trải bạt HDPE	công	100	

2. Mô hình sản xuất muối sạch theo phương pháp phơi nước phân tán

A. Định mức lao động

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông			Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Công xây dựng (làm nền, trải bạt...)				
2.1	Theo phương pháp từ nước mặn ngầm.	công	500	Lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất	
2.2	Theo phương pháp từ nước biển.	công	500		
3	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-3 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy bơm nước 3 pha	cái	1	Công suất 3KW	

C. Định mức vật tư

Đơn vị tính: 1 ha

TT	Nội dung định mức	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư, Thiết bị			
1	Bạt nhựa HDPE (0,5 -1,2 mm)	m ²	1.200	
2	Máy bơm nước ba pha 3 Kw	cái	1	
3	Ống nhựa PVC	m	20	
4	Ống nhựa da rắn	cuộn	1	
5	Dây điện nhôm	m	60	
6	Dây điện đồng	m	5	
7	Cầu dao	cái	1	
8	Tủ điện	cái	1	
9	Ổ cắm	cái	1	
10	Cầu chì	cái	1	
11	Bảng táp lô nhựa	cái	1	
12	Trụ điện	trụ	2	
13	Trải bạt HDPE (0,75 - 1,2 mm) hồ chứa nước chặt	m ²	245	
II	Công xây dựng			
1	Công làm nền	công	400	
2	Công trải bạt HDPE	công	100	